

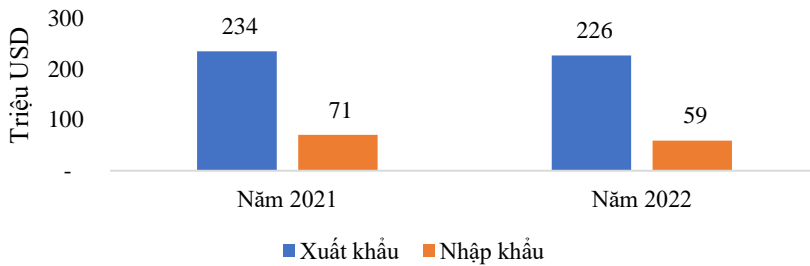
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

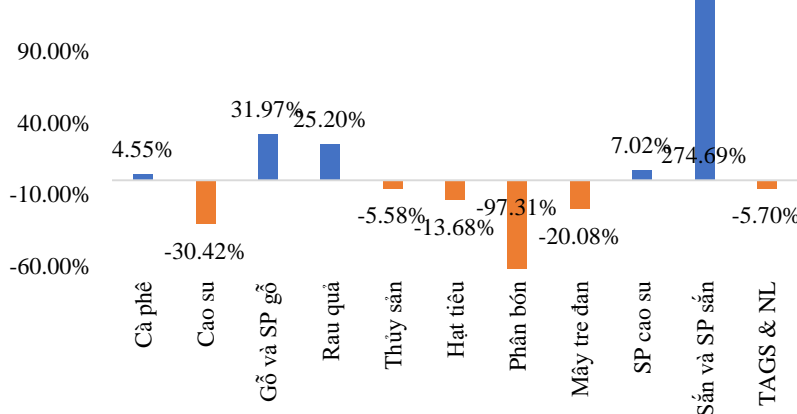
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T11-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T11-2022/2021**

- Xuất khẩu ▼ 3,32 %
- Nhập khẩu ▼ 15,90 %

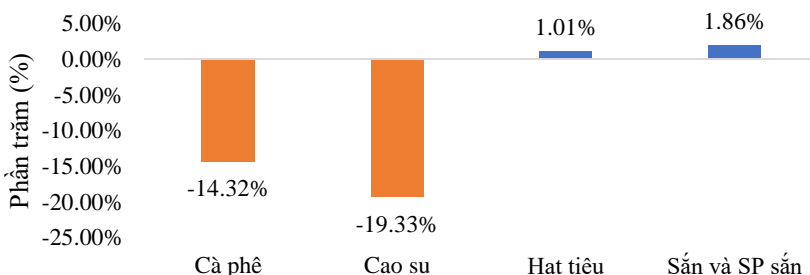
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T11-2022/2021**



So sánh T11-2022/2021

- Cà phê ▲ 4,55%
- Cao su ▼ 30,42%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 31,97%
- Hàng rau quả ▲ 25,20%
- Hàng thủy sản ▼ 5,58%
- Hạt tiêu ▼ 13,68%
- Phân bón ▼ 97,31%
- Máy tre đan ▼ 20,08%
- SP từ cao su ▲ 7,02%
- Sản và SP sản ▲ 274,69%
- TAGS & NL ▼ 5,70%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T11-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T11-2022/2021**

- Cà phê ▼ 14,32%
- Cao su ▼ 19,33%
- Hạt tiêu ▲ 1,01%
- Sản và SP sản ▲ 1,86%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc (KCS) vừa công bố cho biết, cán cân thương mại lũy kế từ đầu năm tới ngày 10-12 ghi nhận mức thâm hụt cao kỷ lục, lên tới 47,46 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu 3 mặt hàng năng lượng lớn của Hàn Quốc là dầu thô, khí đốt và than đá đạt 180,41 tỷ USD, tăng 72,7% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu lại bị thu hẹp do nền kinh tế toàn cầu đình trệ càng khiến quy mô thâm hụt cán cân thương mại của Hàn Quốc tăng mạnh. Cụ thể, xuất khẩu của Hàn Quốc trong tháng 10-2022 giảm 5,8%, tháng 11-2022 giảm 14% và 10 ngày đầu tháng 12-2022 giảm 20,8% so với cùng kỳ năm 2021. Đặc biệt, tính tới tháng 11-2022, xuất khẩu chip bán dẫn - mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Hàn Quốc - đã ghi nhận mức giảm 4 tháng liên tiếp. Giới chuyên gia nhận định cán cân thương mại của Hàn Quốc sẽ tiếp tục đà thâm hụt trong năm 2023 do xuất khẩu đình trệ tương tự năm 2022.

Trong báo cáo vừa công bố, Viện Nghiên cứu phát triển Hàn Quốc (KDI) nhận định, nền kinh tế xứ sở Kim chi khả năng cao sẽ đình trệ trong thời gian tới bởi nợ hộ gia đình và chỉ số lòng tin của doanh nghiệp đang xấu đi. Lĩnh vực tiêu dùng của Hàn Quốc cũng bị ảnh hưởng khi doanh số bán lẻ tiếp tục giảm từ tháng 8-2022. Về lĩnh vực tài chính, các chuyên gia của KDI lo ngại, thị trường vốn ngắn hạn của Hàn Quốc đang tiếp tục bất ổn do áp lực lớn từ chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước.

Theo Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA), Việt Nam là thị trường cung cấp trái xoài lớn thứ 3 cho Hàn Quốc trong 11 tháng năm 2022, đạt 1,7 nghìn tấn, trị giá 7,4 triệu USD, tăng 19,1% về lượng và tăng 24,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá xoài nhập khẩu bình quân từ Việt Nam đạt 4.232,3 USD/tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2021. Với lượng và giá trị như trên, Việt Nam hiện đang là nước cung cấp trái xoài lớn thứ 3 cho thị trường Hàn Quốc.

Nhập khẩu trái xoài của Hàn Quốc trong 11 tháng năm 2022 đạt 22 nghìn tấn, trị giá 95,3 triệu USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 8,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá xoài nhập khẩu bình quân vào Hàn Quốc trong 11 tháng năm 2022 đạt 4.326,2 USD/tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021.

Thái Lan và Peru là 2 thị trường cung cấp trái xoài lớn nhất cho Hàn Quốc trong 11 tháng năm 2022, lượng nhập khẩu từ 2 thị trường này chiếm 81,2% tổng lượng xoài nhập khẩu. Trong đó, Hàn Quốc giảm nhập khẩu xoài từ thị trường Thái Lan và tăng mạnh nhập khẩu từ thị trường Peru.

Theo Trung tâm Thương mại thế giới (ITC), 10 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm của Hàn Quốc đạt hơn 819 triệu USD, tăng 19% so với cùng kỳ 2021. Trên thị trường Hàn Quốc, Việt Nam chiếm thị phần cao nhất 45% trong khi các nguồn cung đối thủ như Trung Quốc, Thái Lan, Ecuador lần lượt chiếm thị phần 7,9%; 7,7% và 6,4% trong tổng giá trị nhập khẩu tôm của Hàn Quốc. Tính tới tháng 10 năm 2022, Việt Nam và Trung Quốc tăng xuất khẩu tôm sang Hàn Quốc lần lượt 25% và 19% trong khi hai đối thủ chính của tôm Việt Nam là Thái Lan và Ecuador giảm xuất khẩu tôm sang thị trường này lần lượt 22% và 16% so với cùng kỳ năm 2021.

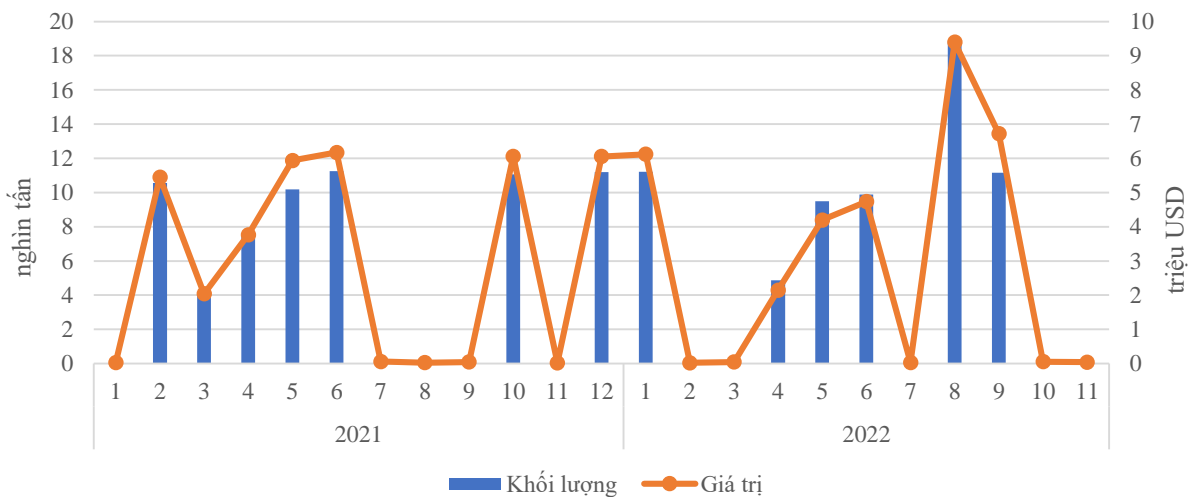
Tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu 226,5 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, giảm 3,32% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 45,6%, thứ hai là thủy sản với 33,6%, rau quả chiếm 6,4%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, rau quả, sắn và sản phẩm cao su là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 0,09 nghìn tấn gạo, trị giá 0,04 triệu USD sang Hàn Quốc, giảm 22,4% về khối lượng và 25,9% về giá trị so với tháng trước; nhưng tăng 101,8% về khối lượng và 80,1% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 65,9 nghìn tấn, trị giá 33,5 triệu USD, tăng 19,7% về khối lượng và 13,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

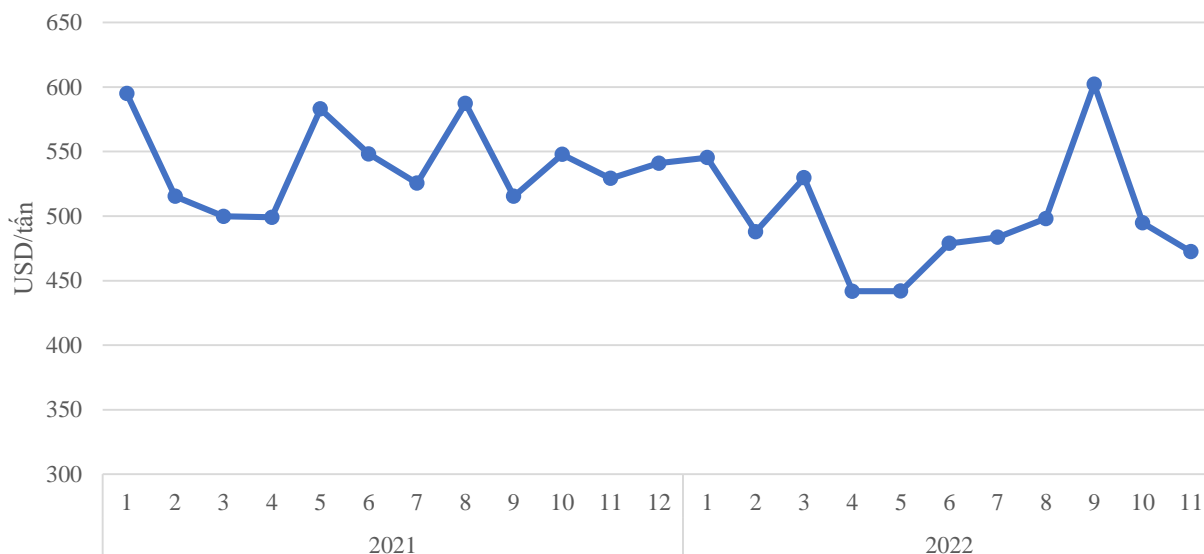
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022 đạt 472,4 USD/tấn, giảm 4,5% so với tháng trước, và 10,7% so với cùng kỳ năm 2021.

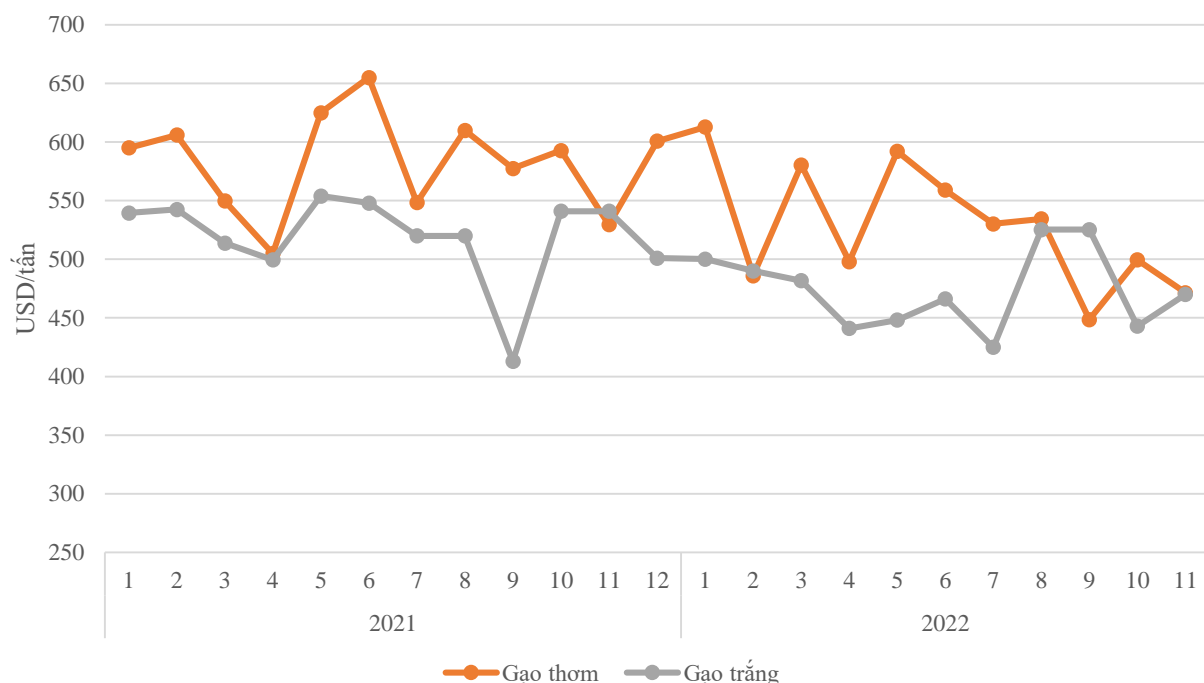
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 73,0% về khối lượng và 73,1% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 471,5 USD/tấn, giảm 5,6% so với tháng trước và 11,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



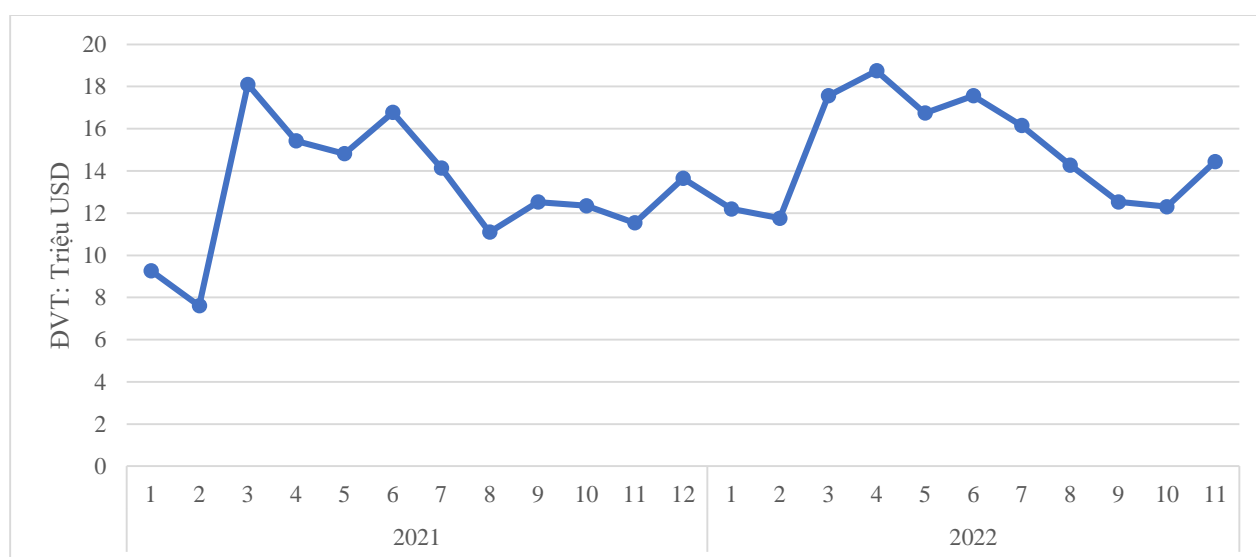
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Trong niên vụ 2022/23, diện tích trồng cây có múi của Hàn Quốc dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống 19.930 ha. Tuy nhiên, diện tích trồng các giống quýt chín muộn, chủ yếu được sản xuất trong nhà kính, dự kiến sẽ tăng đều trong những năm tới do loại cây này mang lại thu nhập cao.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 11 năm 2022 đạt 14,4 triệu USD, chiếm 4,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 17,4% so với tháng trước và tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 164,1 triệu USD (chiếm 5,4% thị phần), tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



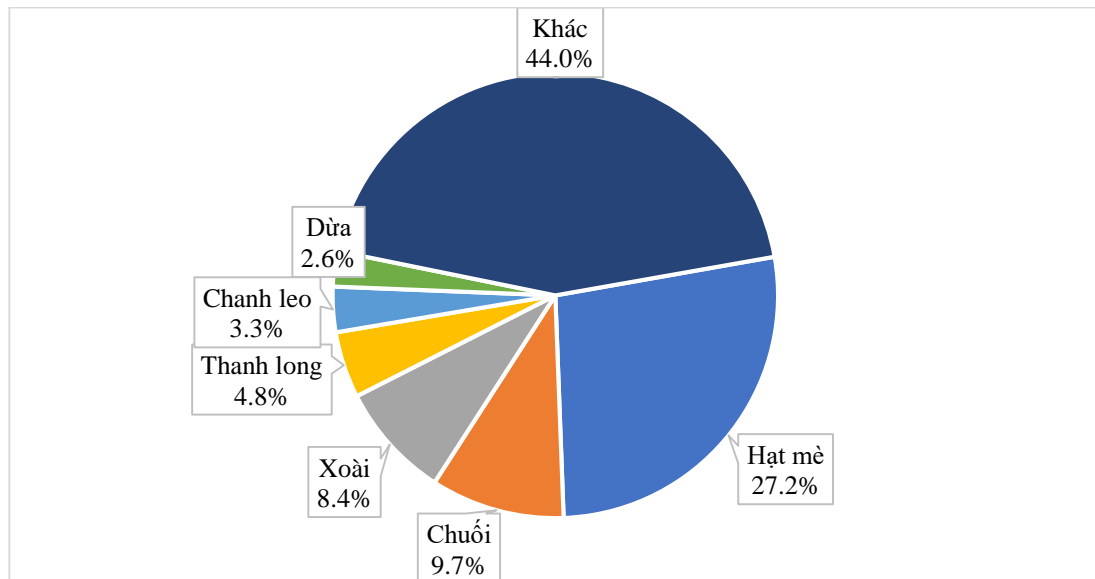
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 11 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 5,7 triệu USD (chiếm 39,5% thị phần, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 8,7 triệu USD (chiếm 60,5% thị phần), tăng 27,5%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 6,9 triệu USD, tăng 29,5% so với cùng kỳ năm trước; (ii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 837,8 nghìn USD (tăng 34,8%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 525,3 nghìn USD (giảm 6,7%); v.v.

Trong tháng 11 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 5,2 triệu USD (chiếm 36,1% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,5 triệu USD (chiếm 10,1%),

giảm 10,7%; chuối đạt 1,0 triệu USD (chiếm 7,0%), tăng 52,5%; ớt đạt 887,4 nghìn USD (chiếm 6,1%), tăng 28,7%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022



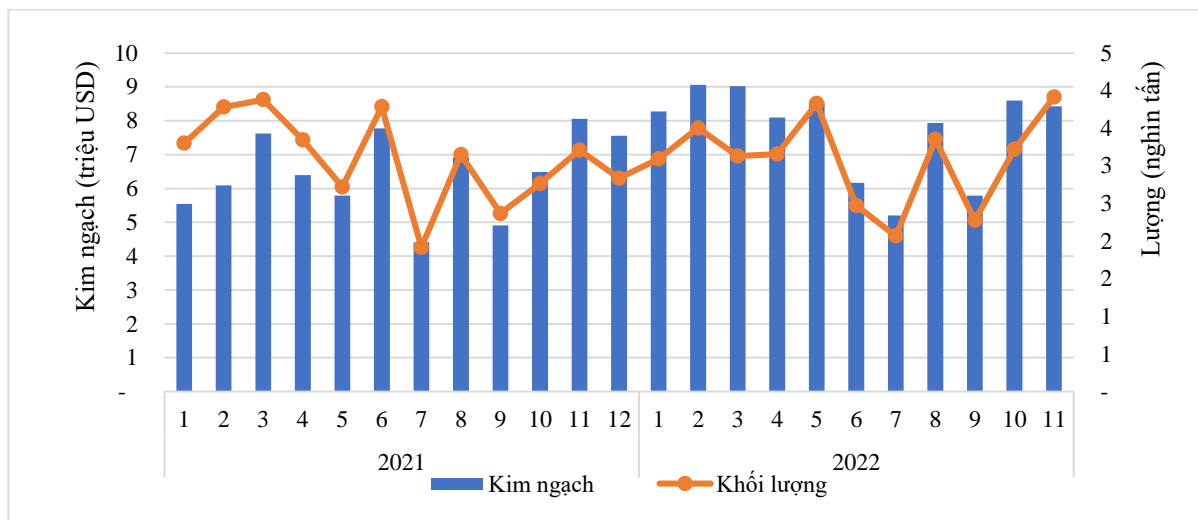
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 11 năm 2022 đạt 7,3 triệu USD, chiếm 2,9% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 26,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 54,1 triệu USD, chiếm 2,9% thị phần, tăng 37,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 11/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 2,3 triệu USD (chiếm 31,5%), tăng 67,5% so với cùng kỳ năm 2021; lê đạt 1,5 triệu USD (chiếm 21,1%), tăng 28,9%; nho đạt 1,1 triệu USD (chiếm 14,7%), giảm 30,2%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 11/2022 ước đạt 3,9 nghìn tấn với trị giá 8,4 triệu USD, tăng 21,6% về lượng nhưng giảm 2,1% về giá trị so với tháng trước, và tăng 22,0% về lượng và tăng 4,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

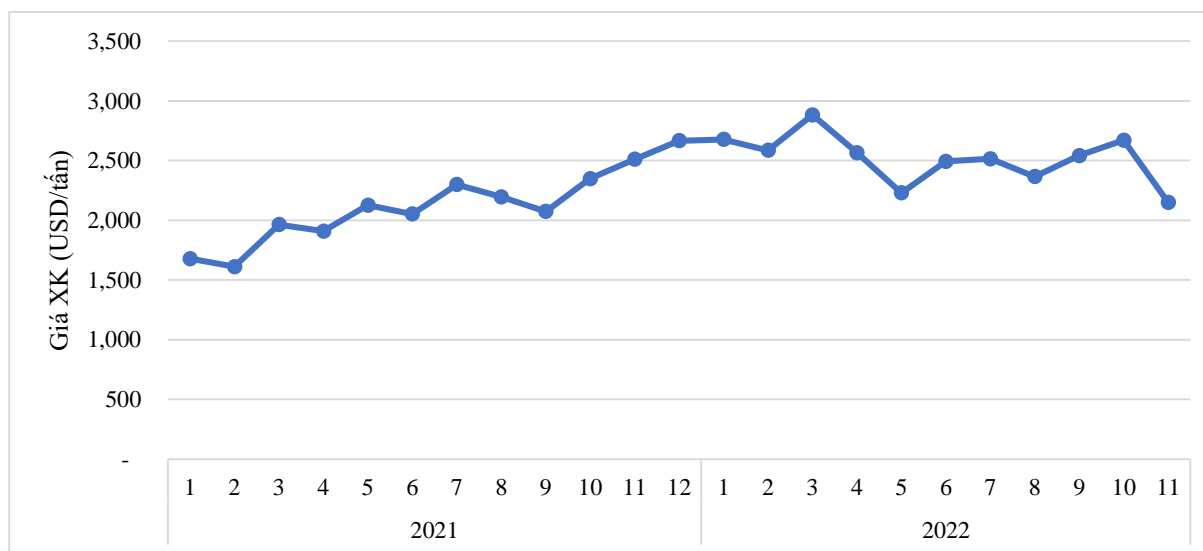
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.151 USD/tấn, giảm 19,5% so với tháng trước và giảm 14,3% so với cùng kỳ năm trước.

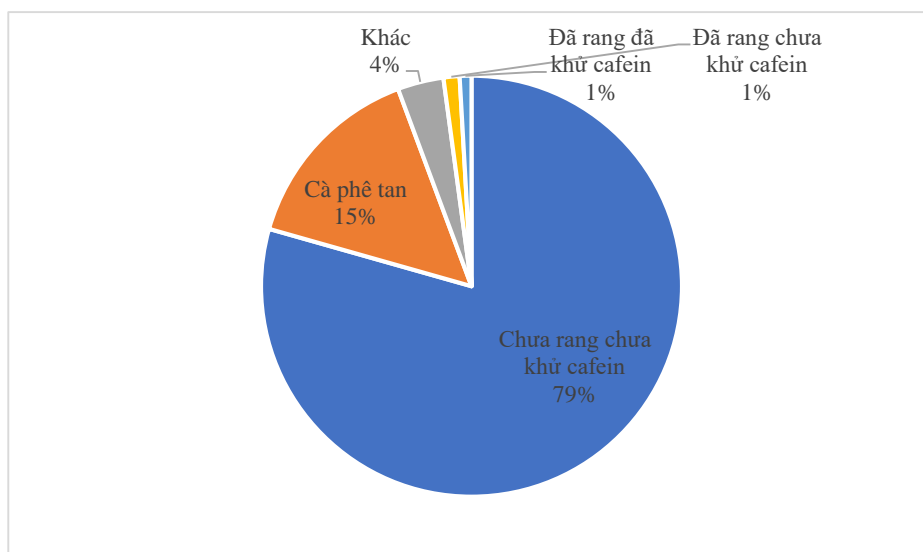
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 6,7 triệu USD, chiếm 79,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,3 triệu USD, chiếm 14,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 11/2022

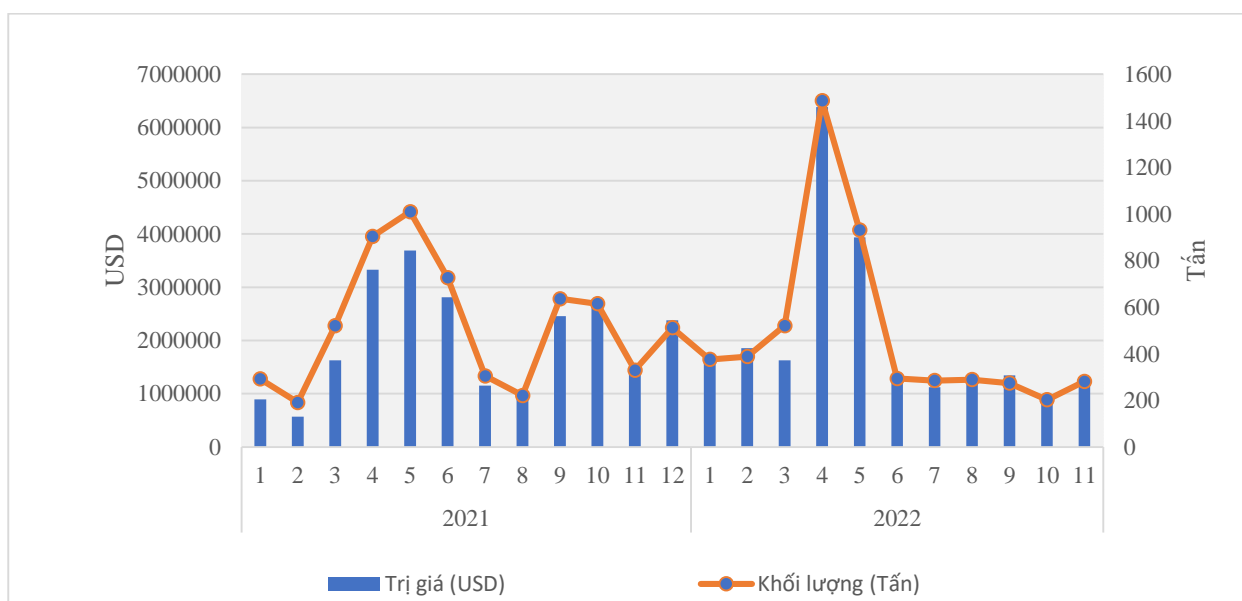


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 11/2022 đạt 282 tấn hồ tiêu với trị giá khoảng 1,212 triệu USD, tăng 38,9% về khối lượng và tăng 29,13% về giá trị so với tháng trước. giảm 14,55% về khối lượng và giảm 23,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

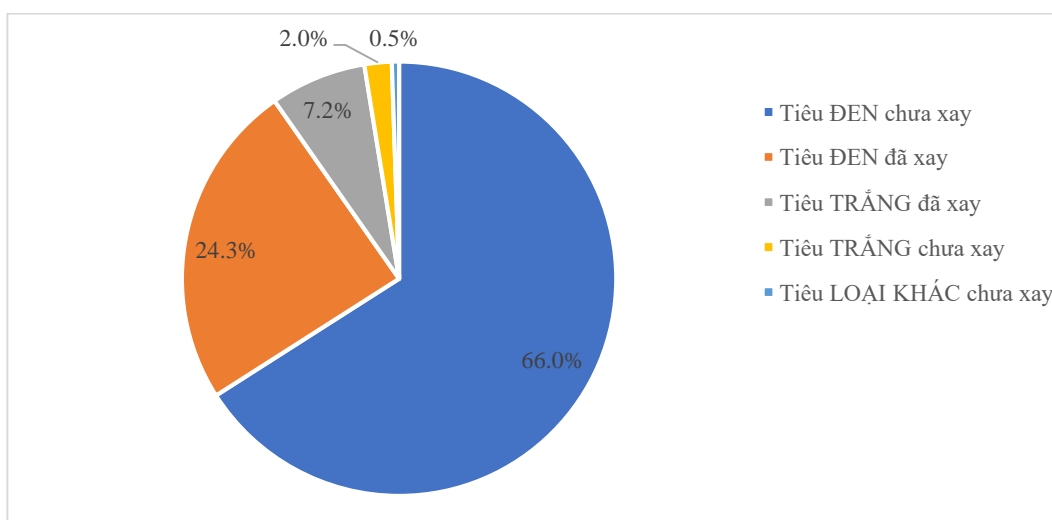
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 11/2022, tiêu đen là loại sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm 66% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 54,4% so với tháng trước và giảm 29,7% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay chiếm 24,3%, tăng 10,6% so với tháng trước và tăng 48,8% so với cùng kỳ năm 2021. Đứng thứ 3 là tiêu trắng đã xay chiếm 7,2%, cuối cùng là tiêu trắng chưa xay chiếm tỷ lệ 2%, tiêu loại khác chưa xay 0,5%.

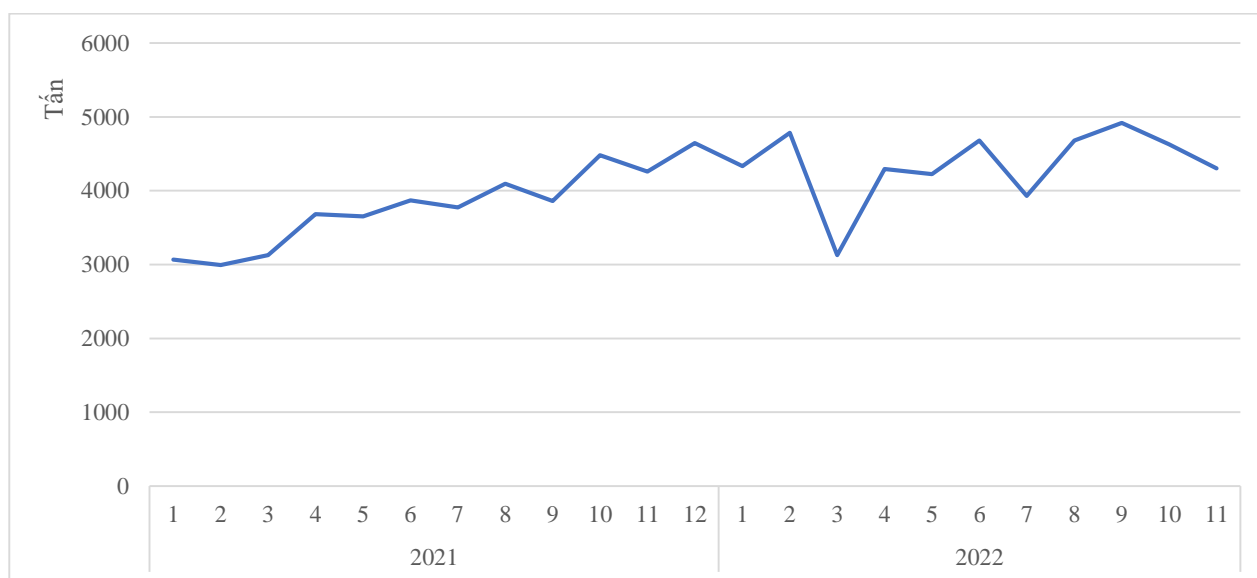
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 11/2022 giảm xuống mức 4.301 USD/tấn, giảm 7% so với tháng trước và tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

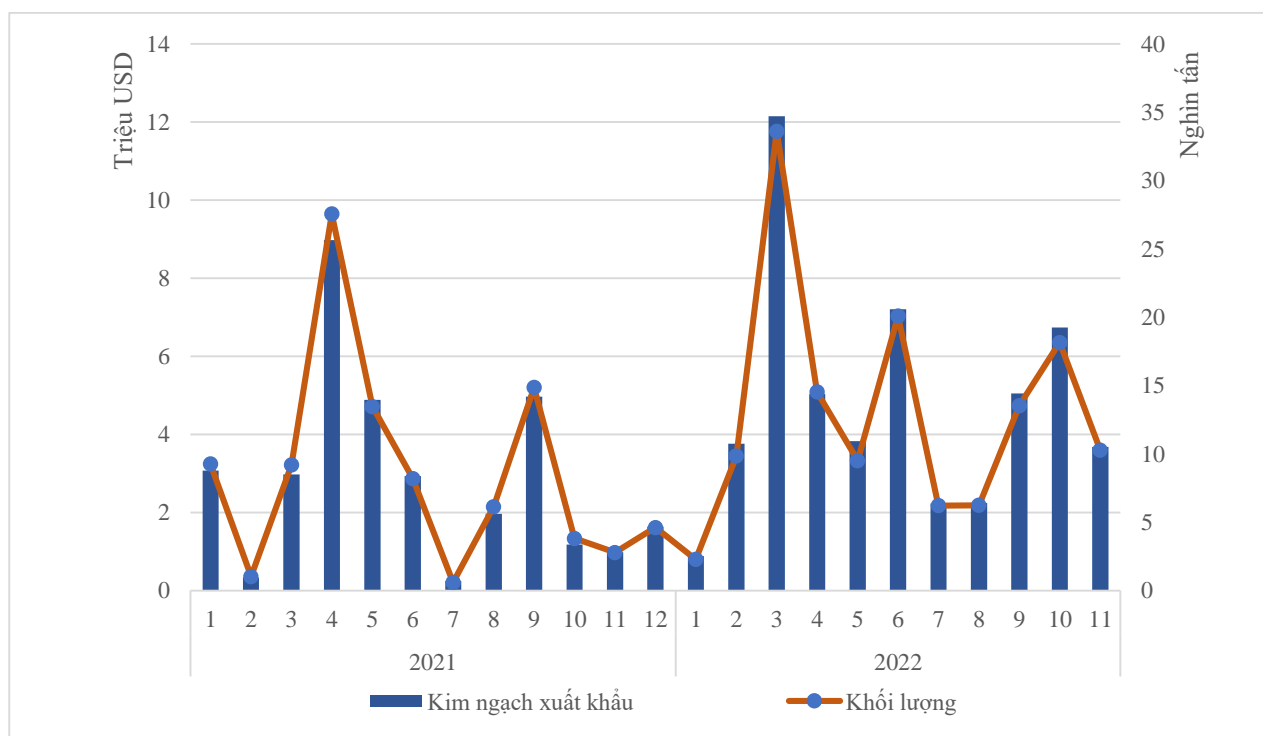


Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

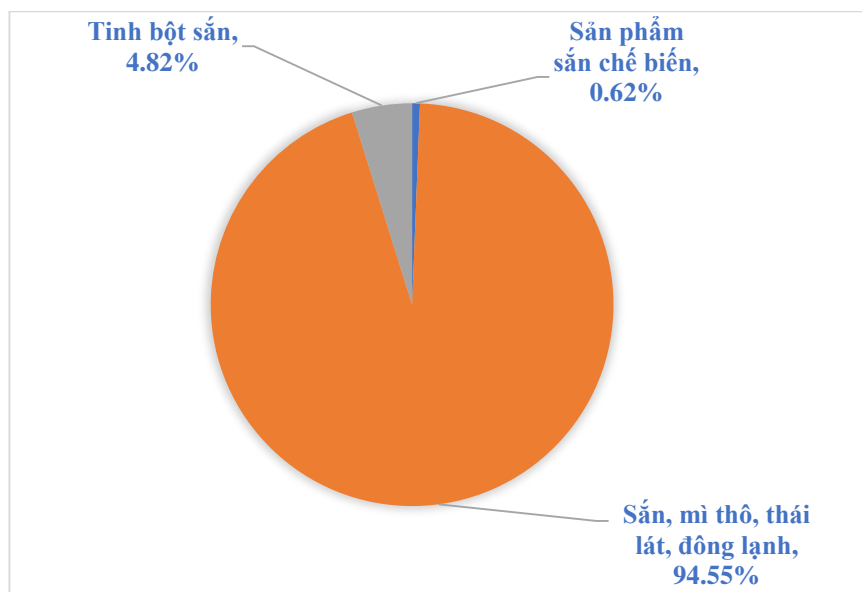
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 10.285 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 3,683 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 45,3% về giá trị và giảm 43,4% về khối lượng so với tháng trước; tăng 267% về khối lượng và tăng 274% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 144.399 tấn, trị giá đạt xấp xỉ 52,828 triệu USD, tăng 48,8% về khối lượng và tăng 62,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 3,5% về khối lượng và 3% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 11 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh chiếm 94,55% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này, giảm 46,9% so với tháng trước và tăng 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước; tinh bột sản, sản phẩm sản chế biến chiếm tỷ trọng nhỏ lần lượt là 4,82% và 0,62%.

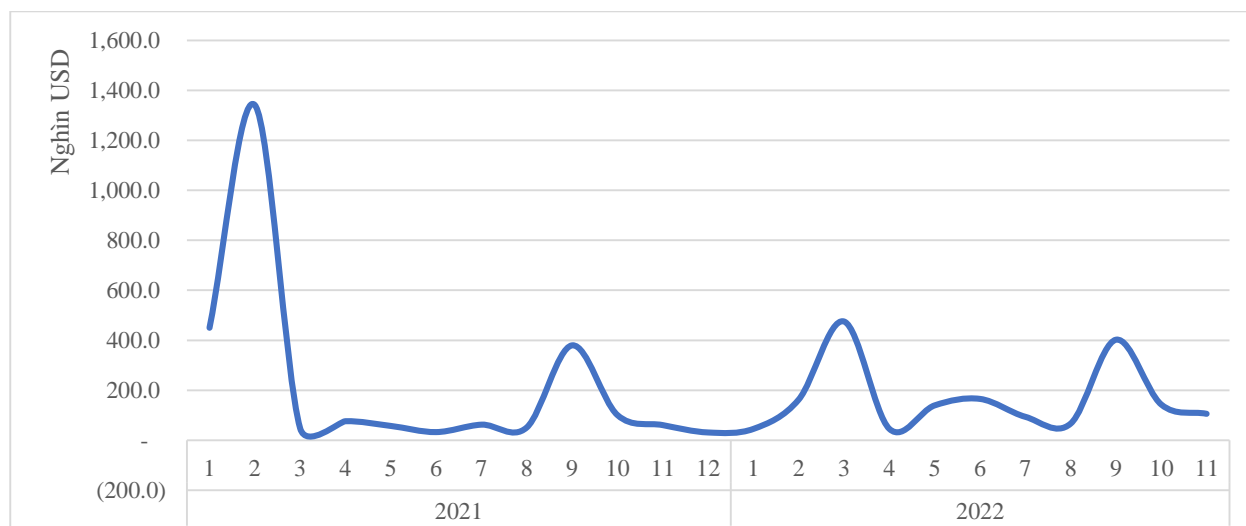
Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Hàn Quốc gần đây đã mở hạn ngạch miễn thuế đối với thịt heo nhập khẩu - một động thái chủ yếu mang lại lợi ích cho thịt heo Canada, Mexico và Brazil, vì nhập khẩu từ Mỹ, EU và Chile đã vào Hàn Quốc với mức thuế bằng 0. Trong khi sản lượng tháng 8 là nhỏ nhất trong 6 tháng trước đó, xuất khẩu của Mỹ sang Hàn Quốc vẫn cao hơn so với tổng xuất khẩu của năm trước, tăng 37% lên 13.568 tấn. Giá trị xuất khẩu đạt 48,6 triệu USD, tăng 34%. Trong 8 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thịt heo Mỹ sang Hàn Quốc tăng 1% so với năm 2021 lên 120.687 tấn, trong khi giá trị tăng 9% lên 424,1 triệu USD.

Trong tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 106,1 nghìn USD, tăng 74,2% so với tháng 11/2021 và giảm 25,9% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

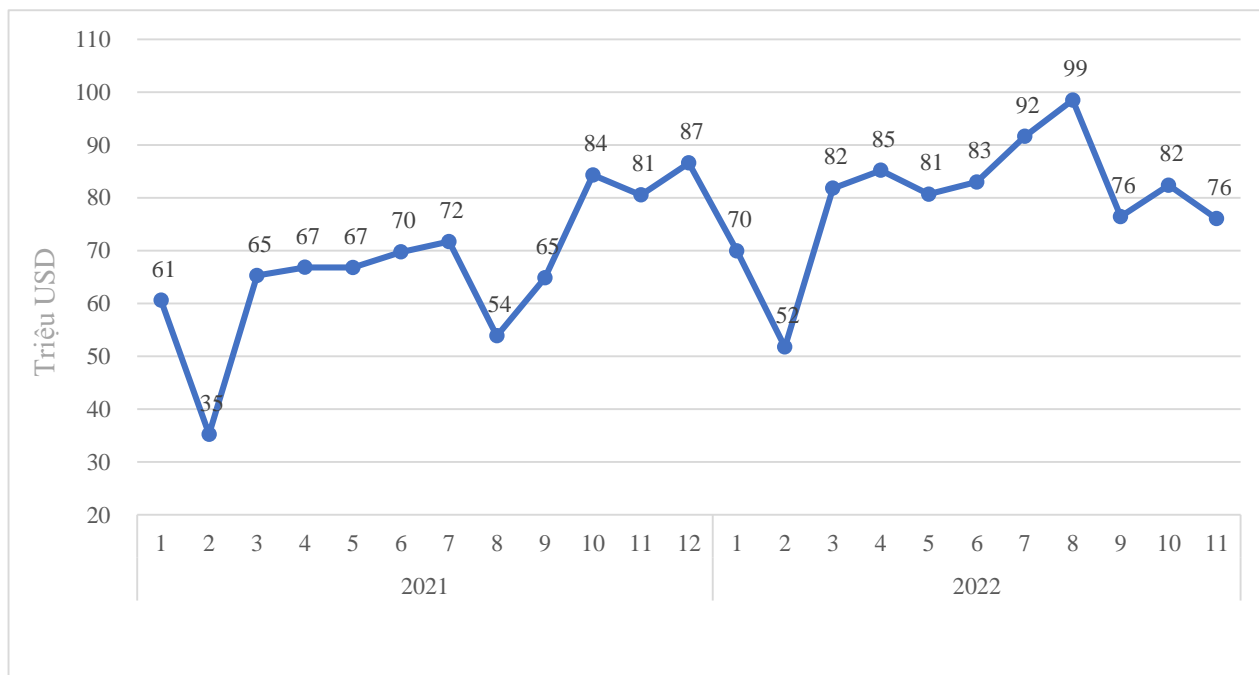
Về nhập khẩu, trong tháng 11/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 10,51 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 43,8% so với tháng trước, và 99,8% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt và phụ phẩm giết mổ từ gia cầm chiếm 99,8% đạt 10,16 triệu USD tăng 95,6% so với tháng 11/2021 và 39% so với tháng trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt hơn 76,1 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 11 tháng đầu năm đạt 855,5 triệu USD, chiếm 8,6% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 21,9 % so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 46,7%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 29,7%.

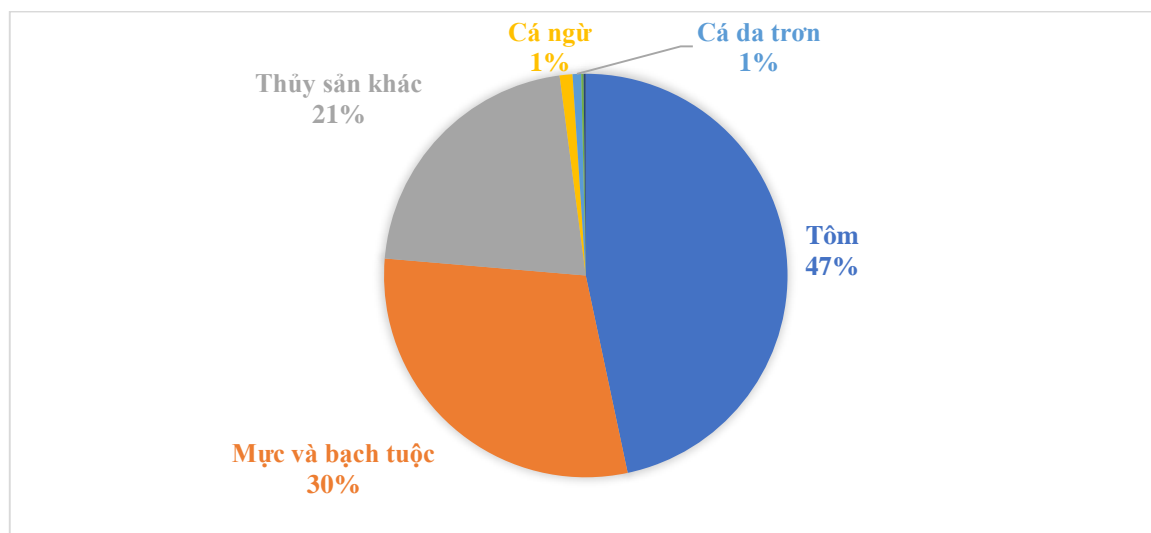
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục có xu hướng giảm so nhẹ so với cùng kỳ năm trước, giảm 5,6% và giảm 7,7% so với tháng trước.

Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022

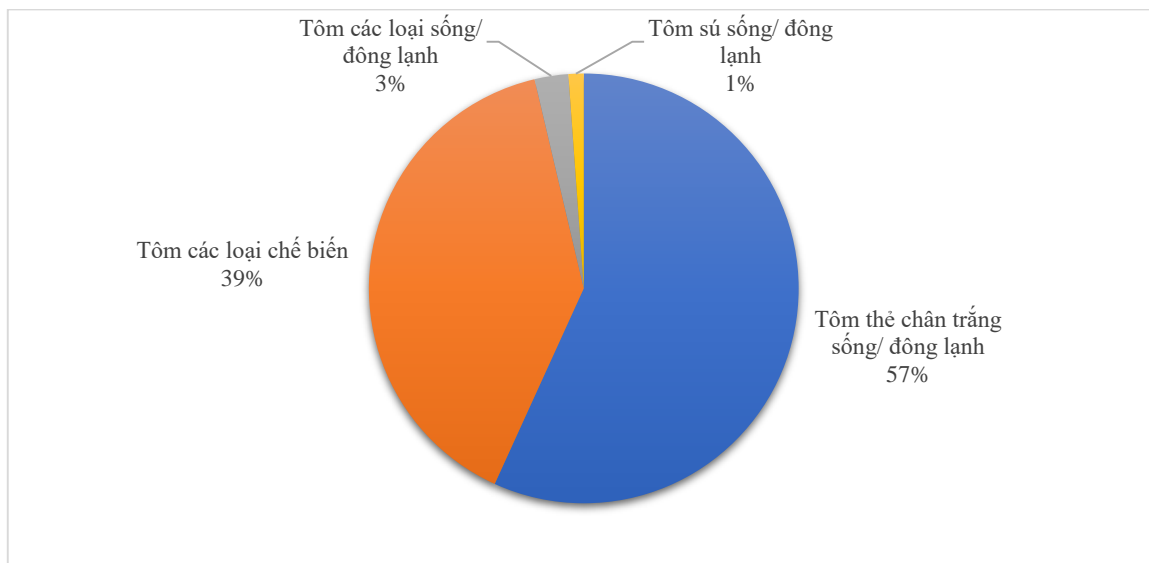


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 11/2022 đạt 35,5 triệu USD, chiếm 46,7% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh

vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 56,8%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 39,5% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022

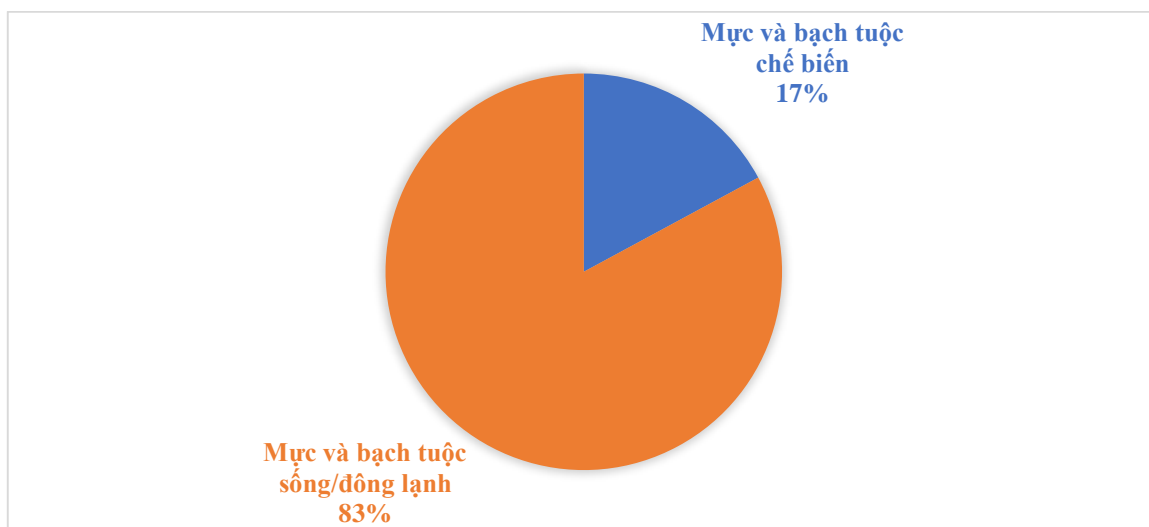


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 20,2 triệu USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 14 triệu USD, tăng 19%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, tăng 226,4%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, giảm 58,2%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 11 năm 2022 đạt 22,6 triệu USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 18,7 triệu USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 3,9 triệu USD, tăng 44,1%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 11/2022: Cá da trơn đạt 0,5 triệu USD, tăng 77,4% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 0,8 triệu USD tăng 106,7%; cá rô phi đạt 0,1 triệu USD, giảm 60,5%; thủy sản khác đạt 16,4 triệu USD, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 11/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 7,8 USD/kg, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc đạt 10,1 USD/kg tăng 12%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022

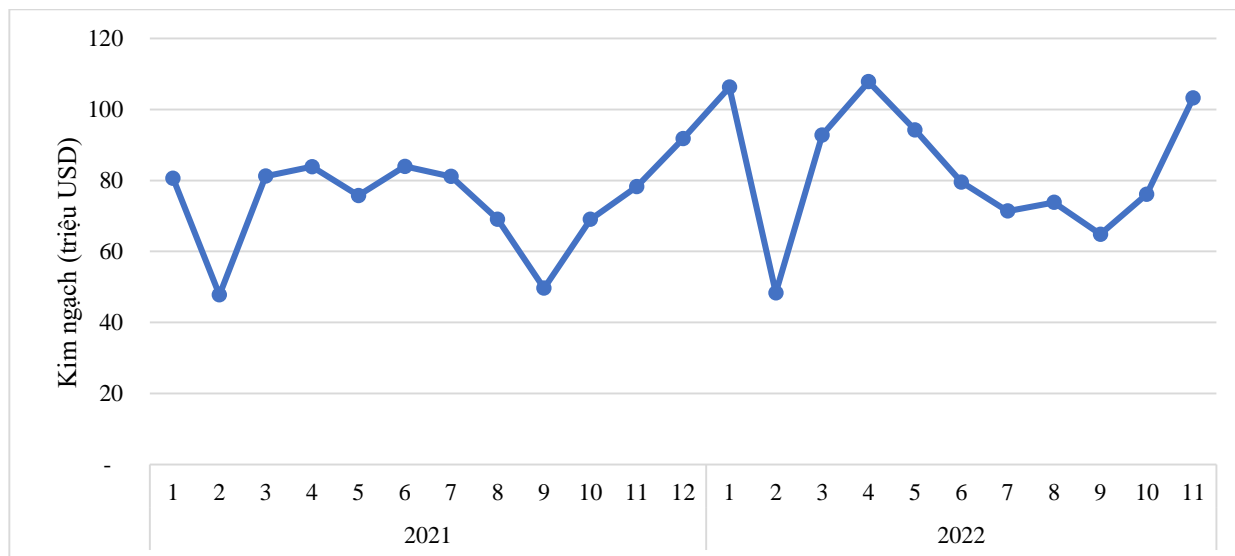
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,3	33,2%	10,4%
2	Cá rô phi	3,7	17,7%	38,3%
3	Cua, ghẹ	6,4	27,5%	-28,6%
4	Mực và bạch tuộc	10,1	12,0%	-6,3%
5	Tôm	7,8	-12,2%	-3,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 103,3 triệu USD, tăng 35,7% so với tháng trước và tăng 32,0% so với cùng kỳ năm 2021.

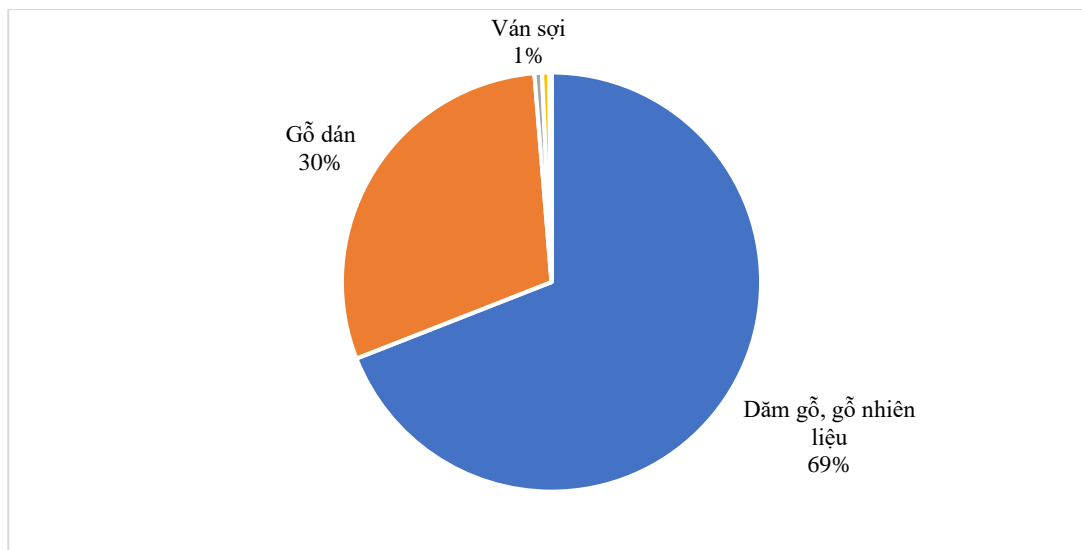
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 58,8 triệu USD, chiếm 69,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 25,2 triệu USD, chiếm 29,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 0,6% và 0,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 11/2022

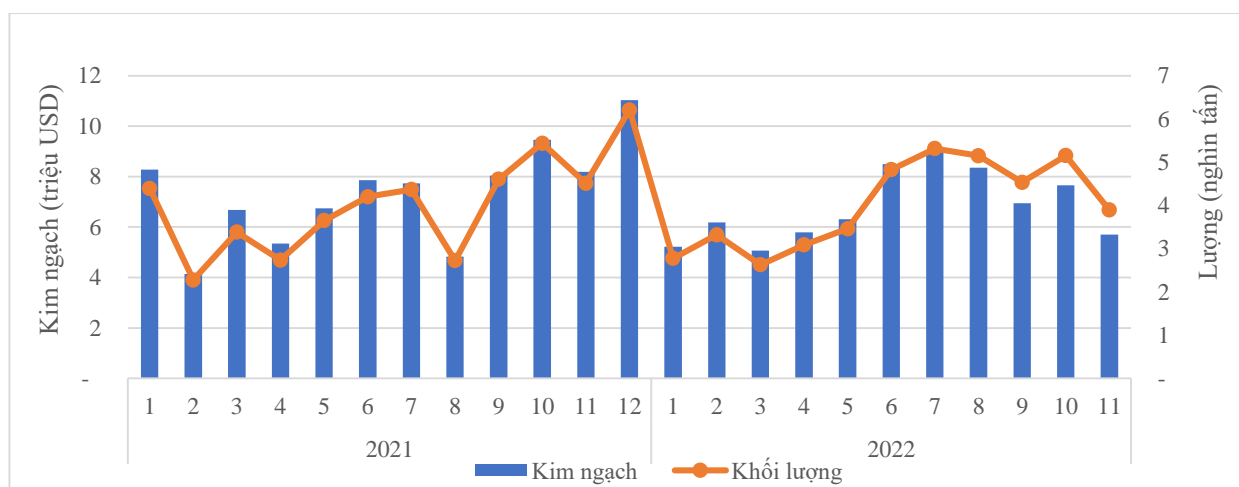


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 3,893 nghìn tấn với trị giá 5,697 triệu USD, giảm 24,42% về khối lượng và giảm 25,58% về giá trị so với tháng trước; giảm 13,74% về khối lượng và 30,42% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 97,63% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

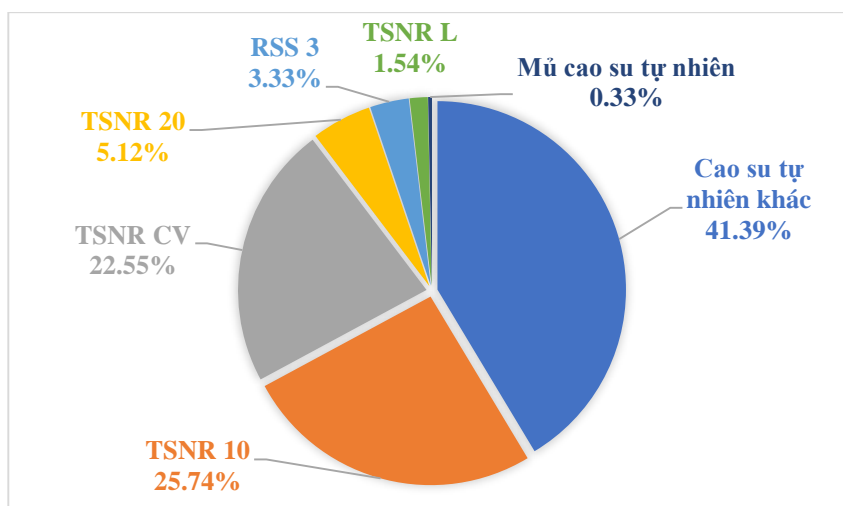
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc, chiếm 25,74%. Tiếp theo là TSNR CV chiếm tỷ trọng 22,55%. Tiếp theo lần lượt là TSNR 20 (5,12%), RSS 3 (3,33%), TSNR L (1,54%), Mủ cao su tự nhiên (0,33%).

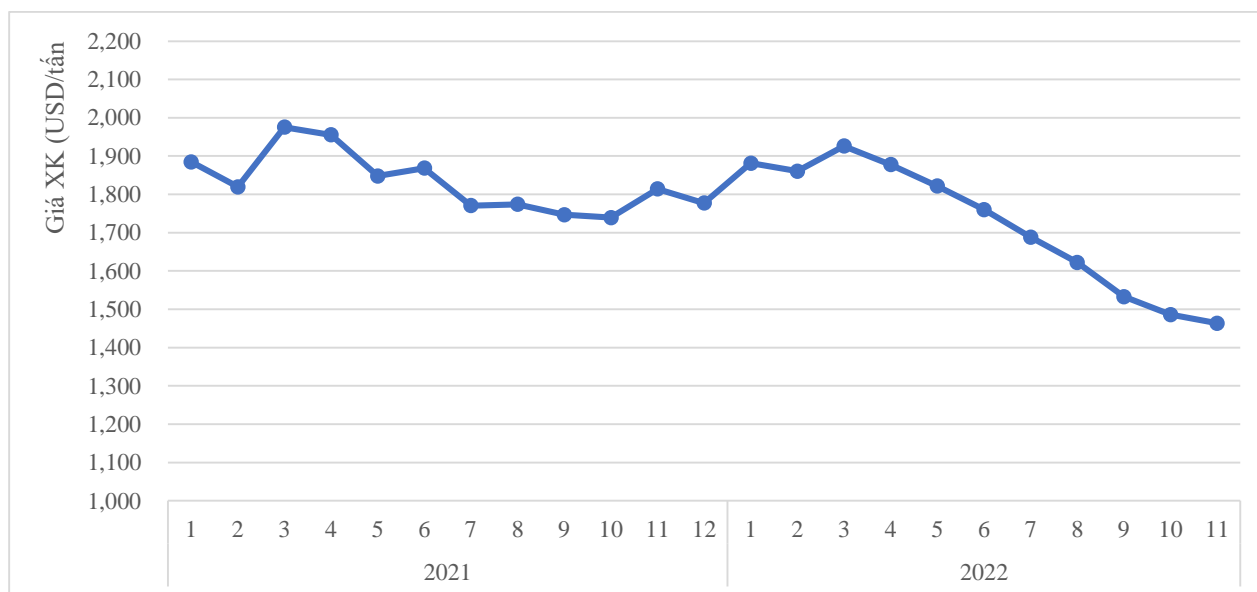
Hình 22: Chứng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính từ tháng 4/2022, giá cao su liên tục giảm mạnh. Tháng 11/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc chỉ đạt ở mức 1.463 USD/tấn, giảm 1,5% so với tháng trước, và giảm 19,3% so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong tháng 12/2022, Hàn Quốc đã mở thầu 113,5 nghìn tấn gạo nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Yêu cầu của gói thầu là gạo tẻ đã xay xát cỡ vừa. Lô hàng sẽ cần được nhập khẩu 10 lần vào Hàn Quốc trong khoảng từ ngày 01/02 đến ngày 30/6/2023. Trước đó, Hàn Quốc đã kêu gọi thầu gạo từ Hoa Kỳ với mức 83,7 nghìn tấn; tuy nhiên không có đơn hàng nào được chốt thành công. Việc tăng cường nhập khẩu gạo từ Hoa Kỳ trong bối cảnh dự trữ của Hàn Quốc tương đối lớn, cũng như nhu cầu tiêu thụ nội địa không cao dự báo sẽ khiến cho nhu cầu nhập khẩu gạo của Hàn Quốc từ các quốc gia khác (trong đó có Việt Nam) giảm xuống trong thời gian tới.

2. Gỗ

Mặc dù xuất khẩu đồ gỗ nội thất đang gặp một số khó khăn trong những tháng cuối năm, nhưng xuất khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ đang phát triển mạnh mẽ đã cân đối lại lượng ngoại tệ mang về trong 10 tháng năm 2022. Nhu cầu nhập khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ tại khu vực Châu Á cũng tăng mạnh là do các thị trường chính Hàn Quốc, Nhật Bản đều có nhu cầu tăng, trong bối cảnh 2 thị trường này tiếp tục thực hiện chuyển đổi từ nguồn điện than sang điện sạch, bao gồm cả điện sinh khối.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 11/2022

STT	Sản phẩm	T11/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T11/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	8.422.814	4,55%	3,72%
2	Cao su	5.696.844	-30,42%	2,52%
3	Gỗ và SP gỗ	103.265.703	31,97%	45,60%
4	Hàng rau quả	14.445.702	25,20%	6,38%
5	Hàng thủy sản	76.065.883	-5,58%	33,59%
6	Hạt tiêu	1.212.994	-13,68%	0,54%
7	Phân bón các loại	873.282	-97,31%	0,39%
8	Mây tre đan	1.698.250	-20,08%	0,75%
9	SP từ cao su	9.013.635	7,02%	3,98%
10	Sắt và SP từ sắt	3.683.273	274,69%	1,63%
11	TAGS & NL	2.097.097	-5,70%	0,93%
Tổng XK NLTS		226.475.477		

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 11/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2021		Tháng 11/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	44	23.288	65	30.671	47,3%	31,7%
2.	Gạo trắng	0	0	24	11.280	n/a	n/a

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 11/2022

Mặt hàng	T11/2021 (USD)	T11/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	6.054.000	6.717.837	10,97%
Cà phê tan	987.635	1.263.795	27,96%
Khác	389.014	299.309	-23,06%
Đã rang chưa khử cafein	473.881	104.447	-77,96%
Chưa rang đã khử cafein	146.317		-100,00%
Đã rang đã khử cafein	3.660	76.331	1985,44%
Tổng	8.054.508	8.461.719	5,06%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 11/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 11/2021	Tháng 11/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	11.538.478	14.445.702	25,2%
1	Hạt mè	4.239.197	3.926.742	-7,4%
2	Chuối	1.497.325	1.403.879	-6,2%
3	Xoài	1.458.525	1.213.544	-16,8%
4	Thanh long	648.625	695.984	7,3%
5	Chanh leo	140.920	475.836	237,7%
6	Dừa	310.706	369.878	19,0%
7	Khác	3.243.179	6.359.841	96,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 11/2022

TT	Sản phẩm	T11/2021 (USD)	T11/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
	Tổng giá trị XK	983.017	3.683.273	274,7%
1	Tinh bột sắn	7.485	177.710	2274,2%
2	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	975.532	3.482.562	257,0%
3	Sản phẩm sắn chế biến	0	23.001	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2022

Loại sản phẩm	Tháng 11/2021 (USD)	Tháng 11/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	520.646,2	672.348,6	-22,6%
Cá nưừ	782.819,2	378.715,0	106,7%
Cá rô phi	134.397,5	339.979,9	-60,5%
Cua, ghe	142.113,8	68.425,6	107,7%
Mực và bạch tuộc	22.573.968,7	24.946.530,4	-9,5%
Tôm	35.499.143,6	34.576.574,9	2,7%
Thủy sản khác	16.412.794,0	19.575.546,6	-16,2%
Tổng	76.065.883,0	80.558.121,0	-5,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan